TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NÚI THÀNH** **TỈNH QUẢNG NAM**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **35**/2023/HSST
Ngày 14 – 6 – 2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NÚI THÀNH, TỈNH QUẢNG NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Cao Văn Cần**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Văn Thư**

Ông **Dương Minh Ngọc**

- *Thư ký ghi biên bản phiên Tòa:* Ông **Đặng Tư Thình** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Núi Thành

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Núi Thành tham gia phiên tòa:* Bà **Lê Thị Phượng** – Kiểm sát viên

Ngày 14 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 38/2023/TLST-HS ngày 10 tháng 05 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 42/2023/QĐXX-ST ngày 25 tháng 4 năm 2023, đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Nguyễn Văn T**, sinh ngày 1994, tại huyện T, tỉnh Quảng Nam; Nơi đăng ký thường trú: Thôn 1, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Nam; Chỗ ở hiện nay: Thôn P, xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam; Giới tính: Nam; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 9/12; Con ông Nguyễn Văn P (đã chết) và bà Nguyễn Thị N. Vợ bị cáo tên Trương Thị T. Có 02 con, lớn sinh năm 2017, con nhỏ sinh năm 2021;

Tiền án, tiền sự, nhân thân: Không

Bị cáo bị tạm giam tạm giữ, tạm giam từ ngày 22 tháng 9 năm 2022 đến ngày 04 tháng 01 năm 2023 được thay đổi biện pháp ngăn chặn "Bảo lĩnh". Có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: **Nguyễn Văn L**, sinh năm 1999, tại huyện T, tỉnh Quảng Nam; Nơi đăng ký thường trú và chỗ ở hiện nay: Thôn 1, xã T, huyện P, tỉnh Quảng Nam; Giới tính: Nam; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 12/12; Con ông Nguyễn Văn H và bà Trần Thị M. Bị cáo chưa có vợ, con

Tiền án, tiền sự, nhân thân: không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 22/9/2022 đến ngày 30/9/2022 được thay thế biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt tại phiên tòa.

- *Bị hại:* **Công ty TNHH Hiệp Lực Quảng Nam**;

Đại diện theo pháp luật: Ông **Nguyễn Đức Nghiệp** – Chức vụ: Giám đốc công ty; Địa chỉ: Thôn Kỳ Lam, xã Điện Thọ, huyện Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam. Vắng mặt.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

Ông **Nguyễn Thành C**, sinh năm 1974;

Địa chỉ: Khối phố H, phường H, thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam.

Ông **Bùi Chí T**, sinh năm 1994;

Địa chỉ: Thôn 1, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Nam

Người làm chứng:

Ông **Nguyễn Thanh X**, sinh năm 1959;

Địa chỉ: Thôn H, thị trấn H, huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam.

Tất cả vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 16 giờ 30 phút, ngày 20/9/2022, Nguyễn Văn T điều khiển xe mô tô BKS: 92M1-104.54 (*xe này T mượn của Bùi Chí T, sinh năm 1994, trú cùng thôn*) từ huyện Thăng Bình tới nhà trọ của Nguyễn Văn L tại thành phố Tam Kỳ. Sau đó, T chở L vào nhà bạn tại Cảng Kỳ Hà thuộc xã Tam Quang, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam chơi nhưng không gặp nên cả hai đi về. Khoảng 18 giờ 00 phút cùng ngày, T điều khiển xe mô tô chở L lưu hành trên đường Võ Chí Công đến thôn Long Thành, xã Tam Tiến thì gặp trời mưa nên cả hai cùng vào lán trại của Công ty TNHH Hiệp Lực Quảng Nam để tránh mưa. Tại đây, T và L nhìn thấy lán trại có một số sắt dùng để thi công công trình (đã qua sử dụng) nhưng không có người trông coi nên nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản để bán lấy tiền tiêu xài. T nói với L "*ở đây không có ai hết trơn, anh em mình lấy sắt bán kiếm tiền tiêu*", L đồng ý. Sau đó, T đi lấy xe bò để tới chở sắt, còn L ở lại chờ .

T điều khiển xe mô tô BKS: 92M1-104.54 về thành phố Tam Kỳ mượn 01 xe cộ bằng kim loại của Nguyễn Thành Công (*sinh năm 1974, trú khối phố Hương Sơn, phường Hòa Hương, thành phố Tam Kỳ*) rồi quay trở lại lán trại gặp L.

Khoảng 19 giờ 00 phút cùng ngày, T đem xe tới lán trại. L kéo xe cộ vào trong lán còn T đem xe mô tô BKS: 92M1-104.54 đi cất giấu bên kia đường Võ Chí Công, cách lán trại khoảng 140m, rồi cả hai dùng tay khiêng các thanh sắt bỏ lên xe cộ. Lúc này, ông Nguyễn Thanh được Công ty giao nhiệm vụ trông coi tài sản ở lán trại phát hiện qua hệ thống camera giám sát đặt ở lán trại nên điện báo cho Công an xã Tam Tiến.

Nhận được tin báo, Công an xã Tam Tiến cùng lực lượng dân quân tự vệ xã đã tới lán trại mai phục. T và L khiêng được 14 miếng, thanh và tấm kim loại sắt; 12 thanh kim loại sắt dạng phi tròn và 01 khối kim loại sắt hình bầu dục có tổng khối lượng 314,5kg bỏ lên xe cộ thì bị lực lượng Công an truy bắt. Bị phát hiện đuổi bắt, các đối tượng bỏ chạy vào khu vực rừng tràm sau lán trại để lại toàn bộ tài sản và phương tiện phạm tội.

Công an xã Tam Tiến tiến hành lập biên bản ghi nhận sự việc, tạm giữ các tang vật có liên quan và kiểm tra trong cốp xe mô tô BKS: 92M1-104.54 phát hiện 01 điện thoại di động hiệu Oppo màu đen có ốp lưng màu xanh, 01 quần jean lửng màu xanh, túi bên phải phía trước có số tiền 2.908.000 đồng, 01 áo thun vải màu kem trắng, và 01 áo khoác vải màu đen.

Ngày 22/9/2022, Nguyễn Văn T và Nguyễn Văn L đến Công an xã Tam Tiến đầu thú và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 44/2022-KLGTS ngày 27/9/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Núi Thành kết luận: Tổng khối lượng sắt 314,5kg, đã qua sử dụng có giá 2.673.250đ (Hai triệu sáu trăm bảy mươi ba nghìn hai trăm năm mươi) đồng.

Tại Bản cáo trạng số 06/CT-VKS-NT ngày 29 tháng 12 năm 2022, Viện kiểm sát nhân dân huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam truy tố các bị cáo về tội *"Trộm cắp tài sản"* theo điểm a khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015. Tại phiên tòa, Kiểm sát viên giữ nguyên cáo trạng truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét:

Áp dụng: Điểm a khoản 2 Điều 173; các điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54 và Điều 38 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo T từ 12 đến 18 tháng tù;

Áp dụng: Điểm a khoản 2 Điều 17 3; các điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54 và Điều 65 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo L từ 09 đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 đến 24 tháng.

Về vật chứng và những vấn đề có liên quan, đề nghị Hội đồng xét xử xử lý, giải quyết theo quy định.

Về dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản, không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

Quá trình xét hỏi và lời nói sau cùng, các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội và xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại và người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội và tội danh:

Tại phiên tòa, các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội như nội dung cáo trạng đã truy tố đơi với các bị cáo. Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai người bị hại và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng công khai tại phiên toà nên Hội đồng xét xử có đủ căn cứ để xác định vào khoảng 19 giờ 00 phút ngày 20/9/2022, bị cáo L và bị cáo T đã có hành vi trôm cắp tài sản là Sắt của Công ty TNHH Hiệp Lực Quảng Nam để tại lán trại tại thôn Long Thành, xã Tam Tiến, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam. Tổng khối lượng sắt mà bị các bị cáo đã trộm cắp là 314,5kg, tương đương số tiền 2.673.250đ (Hai triệu sáu trăm bảy mươi ba nghìn hai trăm năm mươi) đồng. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác có đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại điểm a, khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự như Cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố đối các bị cáo là có căn cứ.

[3] Xét nhân thân, tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi phạm tội và vai trò của từng bị cáo trong vụ án thì thấy:

Tài sản hợp pháp của tổ chức, cá nhân được pháp luật bảo vệ. Mọi hành vi xâm phạm một cách bất hợp pháp đều bị pháp luật nghiêm trị. Các bị cáo có đủ khả năng để nhận biết việc lén lút lấy trộm, chiếm đoạt tài sản của người khác là hành vi trộm cắp tài sản là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố tình thực hiện. Do đó, các bị cáo phải chịu trách nhiệm trước pháp luật cho hành vi của mình.

Trong vụ án này, bị cáo T là người khởi xướng, rũ rê bị cáo L trộm cắp tài sản nên bị cáo T phải chịu trách nhiệm cao hơn bị cáo L, cần áp dụng mức hình phạt đối với bị cáo T cao hơn bị cáo L.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về tình tiết tăng nặng: Không

Về tình tiết giảm nhẹ: Các bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Đây là những tình tiết cần xem xét khi quyết định hình phạt, cần giảm nhẹ cho các bị cáo một phần hình phạt nhằm thể hiện sự khoan hồng của pháp luật, phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo.

[5] Về hình phạt:

Xét thấy, các bị cáo phạm tội thuộc trường hợp có tổ chức, trong đó bị cáo Nguyễn Văn T có vai trò là người khởi xướng, chủ mưu, đồng thời là người thực hành tích cực. Do đó việc áp dụng hình phạt tù có thời hạn, cách ly bị cáo ra ngoài xã hội một thời gian là cần thiết nhằm đảm bảo tính răn đe, giáo dục đối với bị cáo và phòng ngừa chung.

Tuy nhiên bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 51, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự nên Hội đồng xét xử áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng đối với bị cáo.

Bị cáo Nguyễn Văn L có vai trò thứ yếu, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 51, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự; phạm tội lần đầu, có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng; phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn và tài sản chiếm đoạt đã được trả lại cho chủ sở hữu, tuổi đời bị cáo còn trẻ, tính chất của hành vi phạm tội mang tính bộc phát, nhất thời. Bị cáo cũng đã có thời gian bị tạm giữ nên cũng đã đủ sức răn đe, giáo dục. Vì vậy Hội đồng xét xử xét thấy không cần thiết phải cách ly bị cáo ra ngoài xã hội mà giao bị cáo về cho chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú, giám sát, giáo dục để tạo điều kiện cho bị cáo tự cải tạo, tự nhận thấy hành vi sai trái của mình từ đó tự điều chỉnh hành vi cho phù hợp với quy tắc xử sự chung của xã hội cũng đủ thể hiện sự nghiêm minh của pháp luật.

[6] Các ông Bùi Chí T, Nguyễn Thành C là những người cho các bị cáo mượn xe mô tô và xe Bò (xe tự chế) được các bị cáo sử dụng làm công cụ, phương tiện phạm tội nhưng các không biết việc các bị cáo đi chiếm đoạt tài sản nên không có lỗi. Vì vậy Cơ quan điều tra không đề nghị xử lý trách nhiệm là phù hợp với quy định của pháp luật.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu các bị cáo bồi thường nên không đề cập giải quyết.

[8] Về vật chứng:

01 đĩa DVD lưu 02 đoạn video ghi lại diễn biến sự việc trích xuất từ camera giám sắt đặt ở lán trại là tài liệu chứng cứ nên tiếp tục lưu giữ trong hồ sơ vụ án;

Số tiền 2.908.000 đồng đang gửi tại tài khoản tạm gửi của Công an huyện Núi Thành không liên quan đến hành vi phạm tội nên trả lại cho bị cáo T; 01 xe mô tô BKS: 92M1-104.54 không liên quan đến hành vi phạm tội nên trả lại cho ông T;

01 xe cộ bằng kim loại là tài sản của ông Nguyễn Thành C được các bị cáo sử dụng để phạm tội. Tuy nhiên, ông Công không biết, không có lỗi trong việc này nên cần trả lại cho ông Công là phù hợp với quy định của pháp luật;

01 điện thoại di động Oppo màu đen có ốp lưng màu xanh bên trong có gắn thẻ sim, số thuê bao 0369.543.464 của Nguyễn Văn T; 01 quần jean lửng màu xanh; 01 áo thun vải màu len trắng; 01 điện thoai di động hiệu Redmi màu đỏ cam bên trong có gắn thẻ sim, số thuê bao 0376.222.576 của Nguyễn Văn L; 01 áo khoác vải màu đen còn lại đang tạm giữ tại Công an huyện Núi Thành không liên quan đến hành vi phạm tội nên trả lại cho các bị cáo.

[9] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố các bị cáo ***Nguyễn Văn T*** *và* ***Nguyễn Văn L*** *phạm tội "****Trộm cắp tài sản****";*

- Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 173; các điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, các Điều 38, 54 và 58 Bộ luật hình sự:

Xử phạt: Bị cáo **Nguyễn Văn T** 12 (Mười hai) tháng tù, được trừ 03 (Ba) tháng 12 (Mười hai) ngày tạm giữ, tạm giam. Thời hạn tù còn lại bị cáo T phải chấp hành là 08 (Tám tháng) 18 (Mười tám) ngày tù. Thời hạn tù tính từ ngày đi chấp hành án.

- Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 173; các điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, các Điều 54, 58 và 65 Bộ luật hình sự:

Xử phạt: Bị cáo **Nguyễn Văn L** 09 (Chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 18 (Mười tám) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo **Nguyễn Văn L** cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Quảng Nam nơi bị cáo cư trú, giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách án treo. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình hình phạt tù của bản án đã được cho hưởng án treo theo quy định tại điều 93 Luật thi hành án hình sự. Trường hợp người được hưởng án treo phạm tội mới trong thời gian thử thách thì Tòa án quyết định hình phạt đối với tội mới và tổng hợp hình phạt tù của bản án trước theo quy định tại Điều 55, Điều 56 Bộ luật Hình sự;

- Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

+ Thu giữ, lưu vào hồ sơ vụ án 01 đĩa DVD lưu 02 đoạn video ghi lại diễn biến sự việc trích xuất từ camera giám sát đặt ở lán trại;

+ Trả lại cho bị cáo Nguyễn Văn T số tiền 2.908.000đ (Hai triệu, chín trăm lẽ tám nghìn) đồng hiện đang tạm gửi tại Kho bạc Nhà nước huyện Núi Thành qua tài khoản số 3949.0.9042536.00000 của Công an huyện Núi Thành;

+ Trả lại cho ông Bùi Chí T 01 xe mô tô BKS: 92M1-104.54;

+ Trả lại cho ông Nguyễn Thành Công 01 xe cộ bằng kim loại

+ Trả lại cho bị cáo T 01 điện thoại di động Oppo màu đen có ốp lưng màu xanh bên trong có gắn thẻ sim, số thuê bao 0369.543.464; 01 quần jean lửng màu xanh; 01 áo thun vải màu len trắng; 01 áo khoác vải màu đen.

+ Trả lại cho bị cáo L 01 điện thoại di động hiệu Redmi màu đỏ cam bên trong có gắn thẻ sim, số thuê bao 0376.222.576;

(Vật chứng hiện đang tạm giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Núi Thành)

Áp dụng Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Buộc bị cáo Nguyễn Văn T và bị cáo Nguyễn Văn L mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả T thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Quảng Nam;*
- *VKSND tỉnh Quảng Nam;*
- *VKSND huyện Núi Thành;*
- *PV06 Công an tỉnh Quảng Nam;*
- *Sở Tư pháp tỉnh Quảng Nam;*
- *Chi cục THA dân sự h. Núi Thành;*
- *Bị cáo, người liên quan;*
- *Lưu HS;*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Cao Văn Cần